

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI**

# **PHƯƠNG ÁN**

**SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CHUYỂN SANG  
HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Hà Nội, tháng 05 năm 2015**

# PHẦN I

## TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### I./GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP:

#### 1./Tên và trụ sở Công ty:

##### Tên Công ty:

- Tên viết đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI.**

- Tên viết bằng tiếng Anh: **HANOI TRADING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED**

- Tên viết tắt tiếng Anh: **HANOI TIC CO.,LTD**

- Địa chỉ trụ sở chính Công ty đặt tại: **Số 93 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.**

- Điện thoại : **(04) 37676269**

**Fax: (04) 374740434**

- Email : **tic@haprogroup.vn**

- Website :

- Logo:

# Hapro



#### 2./Quá trình hình thành Doanh nghiệp:

Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội (TIC) được UBND thành phố Hà Nội thành lập theo quyết định số 683/QĐ-UB ngày 15/7/1975 có tên là Xí nghiệp Mây tre, đến năm 1980 được đổi tên là Công ty Mây tre xuất khẩu Hà Nội;

Ngày 19/12/1992 quyết định số: 3307/QĐ-UB, UBND Thành phố Hà Nội thành lập Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Liên hiệp Unimex Hà Nội;

Ngày 30/7/2003 UBND thành phố có Quyết định số 4452/QĐ-UB thành lập Hội đồng giải thể doanh nghiệp, Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Liên hiệp Unimex Hà Nội;

Ngày 02/02/2007 UBND Thành phố Hà Nội có quyết định số 466/QĐ-UBND về việc chuyển giao Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội (TIC) thuộc Liên hiệp Unimex Hà Nội về Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Ngày 13/7/2010 UBND TP Hà Nội ra quyết định số 3472/QĐ-UB, về việc chuyển Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thành công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội trực thuộc Tổng công ty Thương mại Hà nội (HAPRO).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 03 năm 2014 do chuyển đổi từ Công ty Thương mại và Đầu tư Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.

### 3./Ngành nghề kinh doanh:

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh chính.

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán lẻ ô tô con	4512
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
3	Bán mô tô, xe máy	4541
	<i>Chi tiết:</i> - Bán buôn mô tô, xe máy - Bán lẻ mô tô, xe máy	
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
5	Bán buôn gạo	4631
6	Bán buôn thực phẩm	4632
7	Bán buôn đồ uống	4633
8	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
9	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn hàng may mặc	4641
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	<i>Chi tiết:</i> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng) - Bán buôn máy móc thiết bị y tế	
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
	<i>Chi tiết:</i> - Bán buôn sắt thép - Bán buôn kim loại khác	
13	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

14	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
16	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
17	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
18	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
19	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
20	Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
21	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

### 3.2. Các ngành nghề ngoài lĩnh vực kinh doanh chính:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất mô tơ, máy phát	2710
2	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và các van khác	2813
3	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
4	Bảo hiểm nhân thọ	6511
5	Bảo hiểm phi nhân thọ	6522
6	Tái bảo hiểm	6520
7	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	6612
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

### 4./Tổ chức bộ máy Công ty: (tính đến 31/12/2014)

**Tổng số lao động : 11 người**

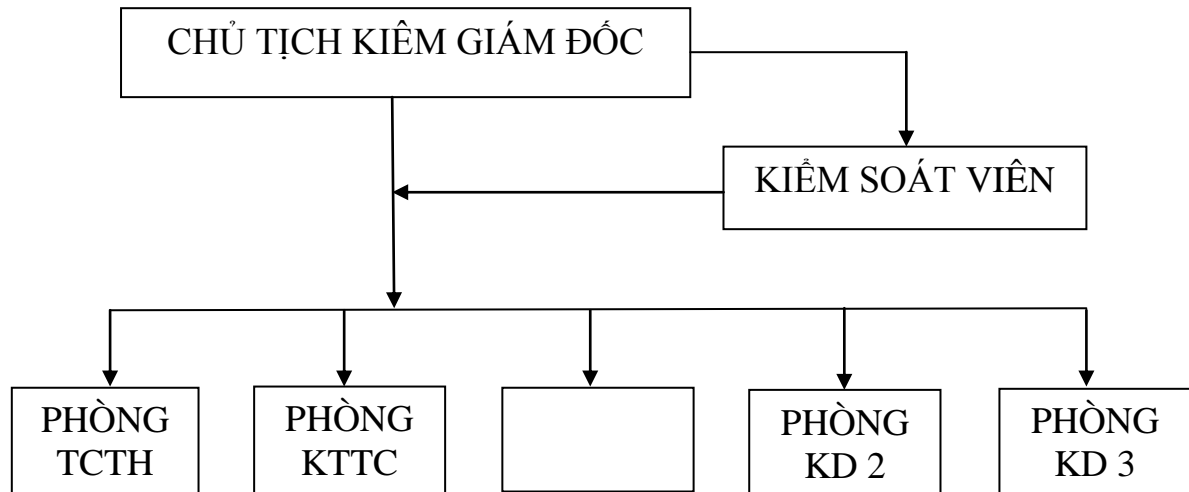
**- Ban điều hành**

+ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty (Không có PGĐ) : 01 người

**- Các phòng ban chức năng**

- + Phòng Tổ chức tổng hợp : 03 người
- + Phòng Kế toán tài chính : 03 người
- + Phòng Kinh doanh 2 : 02 người
- + Phòng Kinh doanh 3 : 02 người

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MAI VÀ ĐẦU TƯ HÀ NỘI



### 4.1. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty

Chủ tịch Công ty do Đại diện Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại diện Chủ sở hữu Công ty theo phân cấp được quy định tại Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại diện Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm về sự phát triển của Công ty theo Chỉ tiêu kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ do Đại diện Chủ sở hữu Công ty giao.

Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Đại diện Chủ sở hữu Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại diện Chủ sở hữu Công ty quy định tại Điều lệ Cty.

Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Công ty phù hợp với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại diện Chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty và pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

### 4.2. Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại diện Chủ sở hữu Công ty về thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra tính hợp pháp trung thực, cần trọng của Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Đại diện Chủ sở hữu của Công ty trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Đại diện Chủ sở hữu của Công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Đại diện Chủ sở hữu của Công ty báo cáo thẩm định.

Kiến nghị Đại diện Chủ sở hữu của Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Đại diện Chủ sở hữu của Công ty.

#### **4.3. Phòng Tổ chức Tổng hợp**

Tham mưu giúp Ban Giám đốc sắp xếp tổ chức bộ máy Công ty theo yêu cầu của Công ty phù hợp từng giai đoạn. Thực hiện các công tác quản lý lao động, tiền lương và các chế độ với người lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo.

Quản lý tài sản công cụ, dụng cụ của Công ty đồng thời tham mưu, thực hiện các công tác về hành chính trong Công ty.

#### **4.4. Phòng Kế toán Tài chính**

Là phòng tham mưu về nghiệp vụ tài chính kế toán - thống kê, quản lý tiền vốn của toàn Công ty có các chức năng chính sau:

- Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thống kê theo quy định của Nhà nước;
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và nguồn vốn hiện có, chủ động đề xuất nguồn vốn vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh kịp thời và thực hiện định mức tồn quỹ theo quy định; tham mưu đề xuất xử lý hàng hoá tồn đọng, trách nhiệm bồi thường vật chất đối với các tập thể, cá nhân gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty;
- Hướng dẫn nghiệp vụ kế toán - thống kê cho các phòng nghiệp vụ lập chứng từ ban đầu đúng nguyên tắc chế độ, đảm bảo các yêu cầu về quản lý tài chính hiện hành.

#### **4.5. Các phòng Kinh doanh:**

Tham mưu và giúp Ban Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng và quản lý kế hoạch sản xuất - kinh doanh các sản phẩm của công ty, Thực hiện nhiệm vụ SXKD lập kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường mở rộng mạng lưới theo ngành nghề kinh doanh được phân công.

Phòng kinh doanh 1 đã có quyết định giải thể nhưng chưa giải thể được, hiện nay không còn hoạt động.

### **5./ Tình hình quản lý lao động (tính đến 31/12/2014):**

#### **- Ban điều hành:**

+ Chủ tịch kiêm Giám đốc : 01 người

#### **- Các phòng chức năng:**

+ Phòng Tổ chức Tổng hợp : 03 người

+ Phòng Kế toán tài chính : 03 người

+ Phòng Kinh doanh 2	: 02 người
+ Phòng Kinh doanh 3	: 02 người
<b>Tổng số lao động hiện đang làm việc trong doanh nghiệp:</b>	<b>10</b>
<i>Trong đó:</i>	
- Số lao động HĐLĐ do TCT quản lý	01
- Số lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn	03
- Số lao động ký HĐLĐ từ 1 - 3 năm	05
- Số lao động ký HĐLĐ dưới 1 năm	01
<i>Trình độ người lao động:</i>	
- Đại học, cao đẳng	09
- Khác và nghề	01
<i>Kết cấu theo độ tuổi:</i>	
- Số lao động tuổi từ 18 - 30	03
- Số lao động tuổi từ 31 - 45	02
- Số lao động tuổi từ 46 - 60	05

## **6./ Tài sản và nguồn vốn của Công ty**

Được xác định đến thời điểm 31/12/2014.

### **6.1. Bảng cân đối kế toán:**

<b>TÀI SẢN (Đ)</b>		<b>NGUỒN VỐN (Đ)</b>	
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>11.628.738.864</b>	<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>18.057.319.946</b>
1. Tiền	821.592.422	1. Nợ ngắn hạn	17.966.999.946
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	0	2. Nợ dài hạn	90.320.010
3. Trả trước người bán	274.221.441		
3. Các khoản phải thu	11.135.123.326	3. Nợ khác	0
4. Hàng tồn kho	71.336.375		
5. Tài sản ngắn hạn khác	338.397.450		
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>5.109.697.559</b>	<b>II. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>-1.306.951.383</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	4.988.552.093	1. Nguồn vốn chủ sở hữu	-1.306.951.383
2. Tài sản cố định	119.353.774	2. Nguồn kinh phí, quỹ, khác	0
3. Chi phí xây dựng dở dang	0	3. Nguồn vốn nhận hợp tác	0
4. Đầu tư tài chính dài hạn	0		
5. Tài sản dài hạn khác	1.791.692		
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.750.368.573</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.750.368.573</b>

## 6.2. Thực trạng tình hình tài chính:

<b>- Nguồn vốn kinh doanh của chủ đầu tư:</b>	<b>5.405.801.538</b>
+ Nguồn vốn ngân sách cấp:	5.405.801.538
+ Nguồn vốn tự có:	
- Nguồn vốn nhận hợp tác:	0
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản:	391.970.000
<b>- Quỹ các loại:</b>	<b>35.243.182</b>
+ Quỹ Đầu tư phát triển:	35.243.182
+ Quỹ dự phòng tài chính:	0
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi:	0
+ Quỹ trợ cấp mất việc làm:	0
<b>- Tài sản cố định:</b>	<b>713.584.237</b>
+ Nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc:	207.523.246
+ Nguyên giá của phương tiện vận tải:	506.060.991
+ Nguyên giá các thiết bị:	
+ Giá trị còn lại các TSCĐ khác chờ T.lý: (bao gồm cả TSCĐ đã bàn giao về Tổng công ty)	0
<b>- Hàng hóa tồn kho. Trong đó:</b>	<b>71.336.375</b>
+ Hàng hóa ứ đọng chậm luân chuyển:	
+ Hàng hóa kém mất phẩm chất:	0
<b>- Các khoản phải thu. Trong đó:</b>	<b>15.734.667.088</b>
+ Công nợ bán hàng khó đòi:	10.904.879.033
+ Công nợ bán hàng không có khả năng thu hồi:	272.249.779
+ Công nợ khác không có khả năng thu hồi:	
<b>- Các khoản phải trả:</b>	<b>18.057.319.956</b>

## 7./ Mạng lưới quản lý, sử dụng kinh doanh đến 31/12/2014:

Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội chỉ có một địa điểm mạng lưới tại 93 Cầu Giấy phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, gồm 02 thửa đất:

- **Thửa đất số 01:** diện tích 122,3m<sup>2</sup> tại 93 Cầu giấy đã được UBND Thành phố phê duyệt phương án hợp tác liên doanh liên kết với Cty TNHH Xây dựng và phát triển Đô thị (CDC).

Căn cứ văn bản số 5067/STNMT-ĐKTK ngày 11 tháng 09 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phương án sử dụng đất trước khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội.



Căn cứ văn bản số 8032/UBND-KT ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề nghị thực hiện hợp tác liên doanh để thực dự án đầu tư xây dựng đối với thửa đất có diện tích 122,3m<sup>2</sup> tại số 93 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy.

Sau khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội sẽ không quản lý thửa đất này nữa, mà Công ty CDC sẽ được quyền trực tiếp ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước để toàn quyền quản lý khai thác và sử dụng. Công ty đã ghi nhận 6 tỷ của dự án hợp tác với Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị (CDC) trên báo cáo tài chính, 2 tỷ đã được chuyển trước cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội để nộp tiền thuê đất, nên với thửa đất này không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp của TIC nữa.

- **Thửa đất số 02:** Diện tích 558,6m<sup>2</sup> tại 93 Cầu giấy, Công ty đã có phương án từ năm 2012 hợp khối với Công ty UNIMEX Hà Nội để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng “Tổ hợp văn phòng thương mại và căn hộ”. Hai Công ty đã thoả thuận xong và đã có Công văn số: 116/BC-CT-KHPT-ART ngày 26/3/2012 về việc hợp khối giữa Công ty TIC và Công ty UNIMEX Hà Nội để thực hiện Dự án tại địa điểm 93 Cầu giấy để báo cáo Tổng công ty và các sở ban ngành thành phố, đang chờ văn bản chỉ đạo của UBND thành phố.

Ngày 08/4/2015 TCT Thương mại Hà Nội đã có công văn số 334/TCT-BĐT V/v xin chấp thuận chủ trương Cho Công ty UNIMEX và Cty TIC dừng hợp khối, lập dự án ĐTXD công trình hỗn hợp tại thửa đất này. Ngày 21/4/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã có văn bản số 2415/VP-CT chấp thuận dừng hợp khối giữa 2 công ty để thực hiện công tác cổ phần hóa của từng công ty theo đúng kế hoạch, tiến độ đặt ra.

## **II./TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH:**

### **1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
I	Tổng doanh thu	Tr đồng	33.799.6	25.943	5.292	2.558	3.968
	Tốc độ tăng trưởng	%	84,01	76,75	20,4	48,34	155,12
	Các khoản giảm trừ		60,4	62,2	88	-	-
1	Doanh thu bán hàng hóa	Tr đồng	33.567	25.816	4.973	2.193	3.581
	Tỷ trọng/Tổng DT	%	99,31	99,51	93,97	85,73	90,25
2	Doanh thu dịch vụ	Tr đồng	232,6	127	319	365	387
	Tỷ trọng/Tổng DT		0,69	0,49	6,03	14,27	9,75
II	Doanh thu HĐTC	Tr đồng	24,93	20	193	1,39	5.455
III	Thu nhập khác	Tr đồng	355,91	0,97	791		0,006
IV	Giá vốn	Tr đồng	32.093	24.241	4.955	1.925	3.334
V	Tổng chi phí	Tr đồng	3.340	4.103	3.590	2.227	3.934
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	-1.314	-2.442	-2.269	-1.593	2.155
	Trong đó LN Thương mại	Tr đồng	-1.314	-2.442	-2.269	-1.593	2.155

	LN dự án, BĐS, đầu tư	Tr đồng	0	0	0	0	0
VII	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	-1.314	-2.442	-2.269	-1.593	1.168
VIII	Nộp ngân sách	Tr đồng	174,7	3,1	2,0	16,3	1.302
IX	Tỷ suất lợi nhuận TM/vốn KD	%	-24,30	-45,17	-41,97	-29,47	21,61
X	Lao động bình quân	Người	31	27	16	12	11
XI	Thu nhập bình quân	Tr đ/ng/tháng	4.500	4.500	3.600	3.400	3.060
XII	Nợ phải thu	Tr đồng	12.318,03	13.664,66	12.298,19	11.647,22	15.734,67
XIII	Nợ phải trả	Tr đồng	18.720,66	18.862,93	15.896,45	16.871,14	18.057,32

(Nguồn: Báo cáo tài chính 2010;2011;2012;2013;2014)

## 2. Đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hiệu quả thấp, thua lỗ kéo dài, công nợ tồn tại từ các năm trước để lại dẫn đến tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn.

- Do tình hình SXKD của Công ty gặp khó khăn, thu nhập của CBCNV thấp không khuyến khích được người lao động nên số lượng cán bộ CNV thường xuyên biến động.

- Mặt hàng chủ lực của công ty là mặt hàng gạo nhưng do cạnh tranh khó khăn, mất thị trường nên chưa khôi phục lại được.

## 3. Những thuận lợi - khó khăn:

### 3.1 Thuận lợi:

- Trong nhiều năm công ty đã có hệ thống khách hàng thân thiết và nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại.

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty ít, gắn bó với công ty nên có kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh thương mại...

### 3.2 Khó khăn:

- Do công nợ tồn tại từ nhiều năm trước để lại, số tiền vay của các cá nhân không trả được gốc và lãi, nên hàng tháng tiền lãi phát sinh lại nhập vào nợ gốc, nên số nợ ngày càng tăng cao. Không có vốn để SXKD, phần khách hàng nợ Công ty thì việc đòi nợ gặp rất nhiều khó khăn, nhiều khoản rất khó đòi. Trong khi đó các chủ nợ thường xuyên đến đòi nợ, gây áp lực và phức tạp cho Công ty. SXKD không vượt lên được dẫn đến doanh thu đạt thấp và vẫn bị lỗ lũy kế tiếp tục tăng lên.

- Tình hình SXKD của Công ty gặp khó khăn, thu nhập của CBCNV thấp không khuyến khích được người lao động, nên số lượng CBCNV thường xuyên biến động. Mặt hàng chủ lực là gạo nhưng do để giãn đoạn thời gian dài, mất thị trường nên chưa khôi phục lại được.

## **PHẦN II**

### **PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA**

#### **A. Cơ sở pháp lý, hình thức chuyển đổi mô hình doanh nghiệp**

##### **I. Cơ sở pháp lý để chuyển đổi thành Công ty cổ phần**

1. Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định;

2. Thực hiện văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015.

3. Căn cứ Quyết định 2193/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 16/3/2013 về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014.

4. Thực hiện kế hoạch số 191/KH-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014.

5. Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội thuộc Tổng công ty thương mại Hà Nội năm 2014-2015.

##### **II. Mục tiêu của việc chuyển đổi thành công ty cổ phần**

Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyển doanh nghiệp nhà nước 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội tuân theo chủ trương của Chính Phủ như sau:

- Theo Quyết định số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015.

- Loại hình Doanh nghiệp: Thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 59/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 “Về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần”. Theo đó nhằm chuyển đổi những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu; huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

##### **III. Đặc điểm của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Tíc Hà Nội**

###### **1. Tên gọi của công ty sau cổ phần hóa.**

- Tên đầy đủ của Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TÍC HÀ NỘI**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HANOI TIC TRADING AND INVESTMENT**

## JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt : TIC HA NOI, JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 93 đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- Điện thoại : (04) 37676269
- Fax : (04) 37470434
- Email : tic@haprogroup.vn
- Website :
- Biểu tượng:

# Hapro



## 2. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm;	4632
2	Bán buôn đồ uống;	4633
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
4	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
5	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	4711
6	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.	4719
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
8	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
9	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
10	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;	8230

13	Dịch vụ đóng gói;	8292
14	Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý);	4610
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)	8299
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

### 3. Cơ cấu tổ chức và sử dụng lao động:

#### 3.1 Cơ cấu sử dụng lao động khi cổ phần

- **Hội đồng quản trị** : **03 người**
- Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) : Từ 1 đến 3 người
- Ban Giám đốc (kiêm nhiệm) : 02 người

Trong đó

- + Giám đốc : 01
- + Phó Giám đốc : 01

- **Các phòng ban chức năng** : **15 người**

Trong đó

- + Phòng Tổ chức tổng hợp : 03
- + Phòng Kế toán tài chính : 02
- + Phòng Kinh doanh 2 : 05
- + Phòng Kinh doanh 3 : 05

#### 3.2 Xử lý lao động khi cổ phần:

- + Lao động chuyển sang Công ty Cổ phần : 09 người

- + Lao động sẽ nghỉ việc giải quyết theo Bộ Luật lao động  
(lao động dôi dư không bố trí được việc làm) : 02 người

Trong đó

- Hưu trí tại thời điểm : 0 người
- Dôi dư phải nghỉ việc : 02 người
- Dự kiến tuyển dụng thêm lao động mới : 09 người

### 4. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ : **20 tỷ đồng.**
- Tổng số cổ phần : 2.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá một cổ phần là : 10.000 đồng.
- Cơ cấu cổ đông dự kiến như sau:

TT		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (tỷ đồng)	Số cổ phần
----	--	--------------	-------------------	------------

1	Cổ đông Nhà nước	0%		
2	Cổ đông là CBCNV được mua ưu đãi	0,38%	76.000.000	7.600
3	Cổ đông là CBCNV được mua thêm tối đa 2000Cp/người	0%		
4	Cổ đông bên ngoài	99,62%	19.924.000.000	1.992.400
	Tổng cộng	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.000.000</b>

#### **IV./ Định hướng phát triển:**

##### **A./Những thuận lợi và khó khăn khi chuyển sang công ty cổ phần:**

###### **1. Thuận lợi:**

- Trong nhiều năm công ty đã có hệ thống khách hàng thân thiết và nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại
- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty ít, gắn bó với công ty nên có kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh thương mại...

###### **2. Khó khăn:**

- Do tình hình lỗ lũy kế kéo dài qua nhiều năm nên để tình hình sản xuất kinh doanh của công ty cải thiện đến có lãi cũng rất khó khăn. Công nợ tồn đọng lớn, việc trang trải công nợ đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn mới thanh toán được các khoản nợ đã quá hạn lâu ngày.
- Tình hình SXKD của Công ty gặp khó khăn, thu nhập của CBCNV thấp không khuyến khích được người lao động, nên số lượng CBCNV chưa thật ổn định.
- Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ngày càng gay gắt, quyết liệt, sức mua của thị trường, đặc biệt là thị trường gạo ngày càng giảm sút, cạnh tranh với tư nhân ở thị trường truyền thống rất khó khăn, nên rất cần có đội ngũ cán bộ kinh doanh có khả năng triển khai công việc tốt, chịu được áp lực cao.

##### **B./Mục tiêu cơ bản 03 năm sau cổ phần hóa:**

- Cố gắng duy trì mở rộng mặt hàng với đối tác mới nhằm tăng doanh thu lợi nhuận. Giao nhiệm vụ cho từng phòng ban, bộ phận khai thác thêm các mặt hàng mới để tăng cường đẩy mạnh kinh doanh.
- Xác định gạo là mặt hàng chủ lực của Cty để thúc đẩy kinh doanh, nâng cao doanh số bán hàng vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, các bếp ăn và mạng lưới khách hàng truyền thống
- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp nhân sự cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần, xây dựng bổ sung quy chế trả lương trong công ty đủ để khuyến khích người lao động năng động trong việc thực thi nhiệm vụ, nhằm duy trì và thu hút thêm lao động có chất lượng.
- Triệt để tiết kiệm trong quản lý, cắt giảm tất cả các chi phí không cần thiết, ưu tiên tối đa vốn cho kinh doanh.

**Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 03 năm sau khi cổ phần hóa:**

*Đvt: triệu đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS năm 2015 /2014 (%)	Năm 2016	SS năm 2016 /2015 (%)	Năm 2017	SS năm 2017 /2016 (%)	Năm 2018	SS năm 2018 /2017 (%)
1	Vốn điều lệ	5.833	5.833	100	20.000	342	20.000	100	20.000	100
2	Tổng Doanh thu (= a + b + c)	9.423	4.003,7	42,49	4.142	103,76	4.317,4	104,6	4.533,3	105
a	Doanh thu bán hàng hóa	3.581	3.681,3	102,8	3.819,6	103,76	3.995	104,6	4.210,9	105,4
b	Doanh thu dịch vụ	387	322,4	83,31	322,4	100	322,4	100	322,4	100
c	Doanh thu HĐTC	5.455	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đầu tư xây dựng cơ bản	391,9	391,9	100	391,9	100	391,9	100	391,9	100
4	Tổng chi phí	7.268	3.860,6	113,9	3.947,5	102,2	4.033,12	102,2	4.146,26	102,8
5	Các khoản nộp ngân sách	2	2,06	103	2,15	104,37	2,28	106	2,44	107
6	Lợi nhuận trước thuế	2.155	141	5,13	192,3	136,4	282	146,6	384,6	136,4
7	Lợi nhuận sau thuế	1.168	110	6,24	160	145,45	220	137,5	300	136,4
8	Tổng quỹ lương	285	300	105	358	119	386	108	414	107
9	Tổng số Lao động bình quân	11	11	100	13	118,18	14	115,38	15	115,38
10	Thu nhập BQ tháng của người lao động	2,2	2,3	105	2,3	100	2,3	100	2,3	100
11	Tỷ lệ cổ tức	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**C./ ĐỊNH HƯỚNG VÀ 1 SỐ GIẢI PHÁP KINH DOANH TRONG CÁC NĂM TỚI CỦA CÔNG TY.**

## **1. Giải pháp về kinh doanh :**

- Cố gắng duy trì và mở rộng các mặt hàng với các đối tác mới nhằm tăng doanh thu lợi nhuận. Khai thác thêm các mặt hàng kinh doanh mới để tăng cường công tác kinh doanh, tìm kiếm các đối tác là các nhà sản xuất để thực hiện chức năng nhà phân phối, bán buôn sản phẩm hàng hóa.

- Xác định gạo và các mặt hàng tiêu dùng là mặt hàng chủ lực của Công ty để thúc đẩy kinh doanh, nâng cao doanh số bán hàng vào hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, các bếp ăn và mạng lưới khách hàng truyền thống của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh đầu tư áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý sản xuất kinh doanh nhất là công nghệ quản trị kinh doanh, quản lý nhân sự, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng kinh doanh và dịch vụ.

- Phát huy vai trò và sức mạnh của các tổ chức đoàn thể chính trị.

- Đề cao và phát huy sức mạnh đoàn kết, dân chủ, công bằng văn minh.

## **2. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực:**

- Sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo và đào tạo lại theo hướng chuyên môn hóa. Tuyển lao động mới theo yêu cầu của công việc. Công ty xây dựng quy chế trả lương theo cấp bậc, công việc, có cơ chế phụ cấp rõ ràng trên cơ sở đánh giá đúng trách nhiệm và hiệu quả công việc. Mức thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao. Có chính sách khuyến khích lao động tăng năng suất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm thu hút nhân tài.

- Tinh giản các Phòng ban quản lý, giảm chi phí khối văn phòng nhưng vẫn phải bảo đảm thực hiện tốt công việc.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao trình độ cũng như trang thiết bị máy tính, nối mạng bảo đảm giảm thiểu chi phí văn phòng phẩm, nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Tiết giảm chi phí điện, nước, thực hành tiết kiệm trong tất cả các công việc.

### **\* Về lao động:**

- Định biên đúng số lượng lao động gắn với công việc kể cả các Phòng ban chức năng, khối văn phòng Công ty, bộ máy quản lý kinh doanh và người trực tiếp lao động sản xuất kinh doanh. Lựa chọn những lao động còn độ tuổi có bằng cấp, năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu công việc để sử dụng tiếp.

- Tiêu chuẩn hóa đội ngũ lao động sau khi Cổ phần trên cơ sở đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp gọn nhẹ; lao động trực tiếp (nhân viên) đáp ứng yêu cầu văn minh, hiện đại.

- Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng cụ thể quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực trẻ gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ.

- Tạo cơ hội cho người lao động phát huy tính năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

### **\* Về tiền lương:**



- Xây dựng quy chế trả lương theo chức vụ và vị trí công việc, trên cơ sở quy định của Nghị định 49/2013/NĐ-CP, 50/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bảo đảm thu nhập cao cho người lao động.

- Có quy chế khuyến khích khen thưởng, kỷ luật rõ ràng cho từng bộ phận chuyên môn, tăng năng suất, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Đối với người lao động và đơn vị gây ra thiệt hại và vi phạm quy định, nội quy, quy chế của Công ty sẽ có những hình thức kỷ luật và hình thức bồi thường về kinh tế.

### **3. Giải pháp về đào tạo:**

- Nâng cao trình độ quản lý của Ban lãnh đạo Công ty thông qua các lớp đào tạo quản lý. Đào tạo chuyên sâu kiến thức chuyên ngành cho phụ trách các Phòng ban và Trưởng phó các đơn vị trong Công ty.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về các Nghị định, Thông tư của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm áp dụng một cách hiệu quả các chính sách trong công tác quản lý doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho toàn thể CBCNV Công ty. Thái độ phục vụ, năng lực hoạt động của nhân viên là nhân tố quan trọng đối với loại hình kinh doanh của Công ty.

### **4. Giải pháp về vốn:**

Trong sản xuất kinh doanh vốn là một trong yếu tố quyết định hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy phương án về vốn luôn là nhiệm vụ thường xuyên, cụ thể:

#### **4.1/Huy động vốn:**

- Có biện pháp thu hút, kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức xã hội.

- Tăng cường quan hệ để vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Huy động vốn từ các đối tác.

- Đối với vốn phục vụ cho đầu tư nâng cấp cải tạo mạng lưới kinh doanh Công ty sẽ huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ, công nhân viên trong Công ty hoặc kêu gọi đầu tư.

4.2 Quản lý vốn: Xác định công tác quản lý vốn là một trong những công tác rất quan trọng, nhưng việc quản lý vốn phải gắn liền với sử dụng vốn có hiệu quả trên cơ sở:

- Quản lý vốn chặt chẽ, tăng cường và đề ra các giải pháp cụ thể để thu hồi các khoản công nợ, giảm thiểu rủi ro thất thoát cho công ty để trả lại nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Hạch toán chính xác tính đầy đủ khấu hao tài sản.

- Khai thác tối đa công suất trang thiết bị nhằm giảm chi phí, hạ giá thành.

- Khai thác hiệu quả lợi thế thương mại và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới.

- Tận thu các nguồn lực tài chính.

- Tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thực hiện đúng các chế độ qui định về tài chính.

- Đối với vốn lưu động: Quản lý chặt chẽ hàng hóa tồn kho, tiền mặt, các khoản phải thu và vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Có qui chế và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác quản lý tài chính.

## **PHẦN III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I./Tổ chức thực hiện:**

Sau khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt GTDN, Công ty tiếp tục thực hiện các bước công việc sau:

- Thông báo công khai Phương án Cổ phần hoá; Thông báo bán cổ phần, số lượng cổ phần dự kiến bán, hình thức bán, địa điểm bán, tuyên truyền vận động, phổ biến mua cổ phần và các vấn đề có liên quan đến việc bán cổ phần: trong vòng 05 ngày kể từ ngày có Quyết định của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bán cổ phần.

- Thực hiện bán cổ phần cho các cổ đông ngoài Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá và bán cổ phần.

- Tổ chức đăng ký và nộp tiền mua cổ phần cho CBCNV Công ty trong vòng 10 ngày kể từ ngày có kết quả đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài.

Sau các bước trên mà số cổ phần chưa bán hết thì Công ty sẽ làm báo cáo lên UBND Thành phố Hà Nội có hướng xử lý.

- Đại hội cổ đông thành lập sẽ được tổ chức trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc bán hết cổ phần.

- Báo cáo UBND Thành phố ra quyết định chuyển Cty TNHH MTV Thương mại & Đầu tư Hà Nội thành Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư TIC Hà Nội. Hội đồng quản trị Tiến hành đăng ký kinh doanh của Cty Cổ phần.

- Bàn giao Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội sang Công ty cổ phần.

- Hoàn tất các thủ tục chuyển Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội sang Công ty cổ phần.

#### **II./Kiến nghị và kết luận:**

##### **1./Kiến nghị với UBND Thành Phố và Tổng công ty Thương mại Hà Nội :**

###### **1.1/Về mạng lưới kinh doanh:**

Địa điểm thuê 1 thửa đất diện tích 558,6 m<sup>2</sup> của Nhà nước để lại sau cổ phần hóa được ký hợp đồng dài hạn để Công ty có điều kiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp nhằm ổn định sản xuất kinh doanh bảo đảm việc làm và đời sống người lao động; đồng thời tạo điều kiện để Công ty tiếp tục phát triển. Đối với thửa đất số 1 có diện tích 122,3m<sup>2</sup> đã hợp tác liên doanh nên Công ty cổ phần không quản lý, mà do Công ty CDC được trực tiếp ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước.

###### **1.2/ Về lao động:**

Đề nghị UBND Thành phố Hà Nội xét duyệt và giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội để đảm bảo quyền lợi cho người lao động đã có thời gian gắn bó lâu dài với Công ty.

###### **1.3/ Về chính sách thuế, phí:**

Công ty cổ phần xin được hưởng các ưu đãi về thuế, trước bạ, lệ phí và các thủ tục khi chuyển đổi sang cổ phần theo quy định.

## 2/ Kết luận:

Để công tác cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo tiến độ của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty kính đề nghị Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cùng các sở ngành liên quan thẩm định phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa cho doanh nghiệp.

Trân trọng báo cáo !

### Nơi nhận:

- UBND TP Hà Nội;
- Ban đổi mới và phát triển DN TP;
- Sở KHĐT Hà Nội;
- Tổng công ty Thương mại Hà Nội;
- Lưu KD, VT. TCTH

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Trần Văn Cường**

# MỤC LỤC

## PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.

### I. Giới thiệu về doanh nghiệp.

1. Tên và trụ sở Công ty.
2. Quá trình hình thành doanh nghiệp.
3. Ngành nghề kinh doanh.
4. Tổ chức bộ máy Công ty (31/12/2014).
5. Tình hình lao động (31/12/2014; thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp).
6. Tình hình tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014.
  - 6.1. Bảng cân đối kế toán
  - 6.2. Thực trạng về tài chính (31/12/2014).
7. Mạng lưới quản lý, sử dụng kinh doanh đến 31/12/2014

### II. Tình hình sản xuất kinh doanh trước khi chuyển đổi mô hình

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh
3. Những thuận lợi – khó khăn.

## PHẦN II. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.

### A. Cơ sở pháp lý, hình thức chuyển đổi mô hình doanh nghiệp

#### I. Cơ sở pháp lý để chuyển đổi thành Công ty cổ phần

#### II. Mục tiêu của việc chuyển đổi thành công ty cổ phần

#### III. Đặc điểm của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội

1. Tên gọi của Công ty sau khi cổ phần
2. Ngành nghề kinh doanh.
3. Cơ cấu tổ chức và sử dụng lao động.
  - 3.1 Cơ cấu sử dụng lao động khi cổ phần
  - 3.2 Xử lý lao động khi cổ phần
4. Vốn điều lệ.

#### IV. Định hướng phát triển.

##### A. Những thuận lợi và khó khăn khi chuyển sang Công ty cổ phần

1. Thuận lợi
2. Khó khăn.

##### B. Mục tiêu cơ bản 03 năm sau cổ phần hóa.

C. Định hướng và một số giải pháp kinh doanh trong các năm tới của công ty

1. Giải pháp về kinh doanh
2. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực
3. Giải pháp về đào tạo
4. Giải pháp về vốn

### PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Tổ chức thực hiện.

II. Kiến nghị và kết luận.

1. Kiến nghị với UBND Thành phố và Tổng công ty Thương mại Hà Nội.
2. Kết luận.